

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2024

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG CHÍN, QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2024

Giá lương thực, thực phẩm tăng cao tại các tỉnh/thành phố bị ảnh hưởng trực tiếp bởi bão và hoàn lưu bão; một số địa phương thực hiện tăng học phí theo lộ trình của Nghị định số 97/2023/NĐ-CP¹; giá thuê nhà ở tăng là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2024 tăng 0,29% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng Chín tăng 2,18% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,63%.

CPI bình quân quý III/2024 tăng 3,48% so với quý III/2023. Tính chung 9 tháng năm nay, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,69%.

I. TỔNG QUAN

Trong 9 tháng năm 2024, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Xung đột quân sự, biến động chính trị, bất ổn tiếp tục leo thang tại một số nước, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, thiếu vững chắc. Thị trường tài chính, tiền tệ, giá vàng, xăng dầu, hàng hóa, vận tải thế giới biến động mạnh, liên tục... Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, tác động nặng nề tới phát triển kinh tế - xã hội. Ngày 12/9/2024, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) lần thứ hai trong năm giảm lãi suất thêm 0,25 điểm phần trăm xuống còn 3,5%/năm. Ngày 18/9/2024, lần đầu tiên sau hơn 4 năm Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất 0,5 điểm phần trăm xuống còn 4,75%-5%/năm, bắt đầu chu kỳ nới lỏng chính sách tiền tệ trong bối cảnh cả bức tranh việc làm và lạm phát của Mỹ suy giảm. Tỷ lệ lạm phát của khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu tháng 9/2024 tăng 1,8%, thấp nhất trong ba năm rưỡi và dưới mức mục tiêu 2% của ECB. Trong tháng 8/2024, lạm phát của Mỹ tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước; Tây Ban Nha tăng 2,3%; Đức tăng 1,9%; Pháp tăng 1,8%. Tại châu Á, lạm phát tháng 8/2024 của Ấn Độ tăng 3,7%; Phi-lip-pin tăng 3,3%; Nhật Bản tăng 3%; In-đô-nê-xi-a tăng 2,1% và Hàn Quốc tăng 2%. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, CPI tháng 9/2024 tăng 2,63% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chủ động, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát

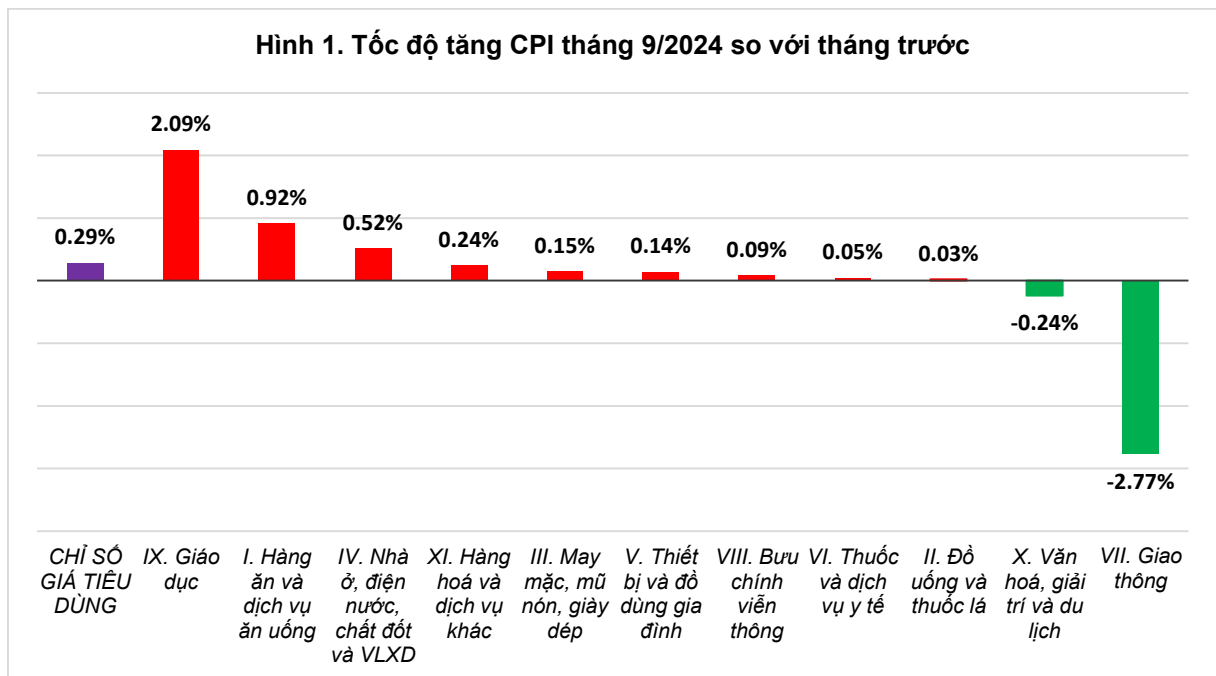
¹ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

như: Đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, dịch vụ; giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; tổ chức, theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu để có biện pháp điều hành phù hợp.

Đặc biệt, trong bối cảnh bão Yagi gây hậu quả nghiêm trọng đối với đời sống Nhân dân, tại một số nơi có những thời điểm khan hiếm các mặt hàng như rau, củ quả, thực phẩm dẫn đến tăng giá cục bộ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã sớm chỉ đạo² các bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ nhân dân bị ảnh hưởng bởi bão lũ, khẩn trương khắc phục hậu quả thiên tai, đẩy mạnh khôi phục sản xuất kinh doanh, tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giá cả hàng hóa nhanh chóng theo xu hướng trở về mức trước bão. Theo đó, giá hàng hóa và dịch vụ trên thị trường nhìn chung không có biến động bất thường, lạm phát trong tầm kiểm soát. Bình quân 9 tháng năm 2024, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm 2023; lạm phát cơ bản tăng 2,69%.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 9/2024

So với tháng trước, chỉ số CPI chung cả nước tháng 9/2024 tăng 0,29% (khu vực thành thị tăng 0,33%; khu vực nông thôn tăng 0,23%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 09 nhóm hàng tăng giá, 02 nhóm hàng giảm giá so với tháng trước.



² Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Công điện số 90/CD-TTg ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc khẩn trương cung cấp lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm phục vụ đời sống của người dân bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3; Công điện số 92/CD-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2024 về việc tập trung khắc phục hậu quả bão số 3 và mưa lũ sau bão; Công điện số 95/CD-TTg ngày 13 tháng 9 năm 2024 về việc tăng cường công tác cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ Nhân dân các địa phương bị ảnh hưởng của cơn bão số 3.

Diễn biến giá tiêu dùng tháng tháng 9/2024 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,92%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 9/2024 tăng 0,92%, tác động làm CPI chung tăng 0,31 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm lương thực tăng 0,77%, tác động tăng 0,03 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm tăng 1,06%, tác động tăng 0,22 điểm phần trăm; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,65%, tác động tăng 0,06 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (+0,77%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 9/2024 tăng 0,77%, trong đó chỉ số giá nhóm gạo tăng 0,76% (Gạo tẻ thường tăng 0,75%; gạo tẻ ngon tăng 0,96%; gạo nếp tăng 0,16%). Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu và do nhu cầu gạo tăng cao tại một số địa phương chịu ảnh hưởng trực tiếp của cơn bão số 3, số 4 và hoàn lưu bão.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.900-18.700 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.700-23.900 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.300-24.200 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.100-41.100 đồng/kg.

Bên cạnh đó, một số mặt hàng lương thực tháng Chín tăng giá như giá khoai tăng 4,48%; sắn tăng 3,71%; ngô tăng 2,38%; bánh mì tăng 0,72%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,68%; miến tăng 0,39%; mỳ sợi, mỳ, cháo ăn liền tăng 0,34%.

1.2. Thực phẩm (+1,06%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 9/2024 tăng 1,06% do nhu cầu tăng cao vào dịp nghỉ Lễ Quốc khánh 02/9 cùng với ảnh hưởng của bão và hoàn lưu bão gây mưa lũ, ngập lụt diện rộng, làm đứt gãy giao thông vận chuyển hàng hóa tại một số địa bàn khiến giá thực phẩm tăng cục bộ. Nhóm thực phẩm tăng chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Giá thịt lợn tăng 0,57%, tính đến ngày 28/9/2024, giá thịt lợn hơi dao động từ 64.000-70.000 đồng/kg. Theo đó, giá mỡ động vật tăng 0,88%.

- Giá thịt gia cầm tăng 0,35%, trong đó giá thịt gà tăng 0,35%; thịt gia cầm khác tăng 0,37%; thịt gia cầm đông lạnh khác tăng 0,16%. Bên cạnh đó, giá trứng các loại tăng 0,15%.

- Giá thủy sản tươi sống tăng 1,08% do nhu cầu tăng, sản lượng khai thác giảm khi vào mùa mưa bão, tàu thuyền hạn chế ra khơi đánh bắt nên sản lượng đánh bắt thủy hải sản giảm. Trong đó, giá tôm tươi hoặc ướp lạnh tăng 1,63%; thủy sản tươi sống khác tăng 1,37%; cá tươi hoặc ướp lạnh tăng 0,77%.

- Giá nhóm rau tươi, khô và chế biến tăng 4,81% do nhu cầu tiêu dùng trong tháng tăng trong khi một số loại rau, củ, quả đã cuối vụ và thời tiết mưa, bão, ngập lụt tại nhiều địa phương ảnh hưởng đến nguồn cung. Nhìn chung, giá các loại rau tươi, khô và chế biến tháng 9/2024 đều tăng so với tháng trước, dao động từ 0,14%

đến 8,52%. Trong đó, giá su hào tăng 8,52%; cà chua tăng 7,89%; bắp cải tăng 7,46%; rau muống tăng 7,13%; đỗ quả tươi tăng 7,03%; khoai tây tăng 5,44%; rau tươi khác tăng 4,94%; rau dạng quả, củ tăng 4,04%; rau gia vị tươi, khô các loại tăng 3,13%.

- Giá quả tươi, chế biến tăng 1,76% do trong tháng có rằm Trung thu nên nhu cầu tiêu dùng tăng. Mặt khác, lũ lụt xảy ra ở miền Bắc làm cho việc vận chuyển hoa quả trở nên khó khăn, khan hàng. Trong đó, giá xoài tăng 2,98%; chuối tăng 2,35%; quả có múi tăng 1,61% và táo tăng 1,17%.

- Giá đồ gia vị tăng 0,22%; chè, cà phê, ca cao tăng 0,64%; bánh, mứt, kẹo tăng 0,1%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,65%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 9/2024 tăng 0,65%, chủ yếu do giá nguyên liệu chế biến ở mức cao và nhu cầu du lịch trong tháng tăng vào dịp nghỉ Lễ Quốc khánh 02/9. Trong đó, giá ăn ngoài gia đình tăng 0,67% so với tháng trước; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,66%; uống ngoài gia đình tăng 0,47%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,03%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 9/2024 tăng 0,03% do nguyên liệu sản xuất đồ uống và chi phí nhân công tăng. Cụ thể: Giá nước quả ép tăng 0,26%; rượu các loại tăng 0,18%; thuốc hút tăng 0,1%; nước giải khát có ga tăng 0,09%; bia chai tăng 0,06%.

3. May mặc, mũ nón và giày dép (+0,15%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tháng Chín tăng 0,15% do chi phí nhân công và nhu cầu mua sắm khi vào năm học mới tăng. Trong đó, giá dịch vụ giày, dép tăng 0,49%; may mặc khác tăng 0,36%; mũ nón tăng 0,27%; quần áo may sẵn tăng 0,16%; dịch vụ may mặc tăng 0,1%; giày dép tăng 0,09%; vải các loại tăng 0,02%.

4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,52%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 9/2024 tăng 0,52% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá thuê nhà tăng 0,42% do nhu cầu thuê nhà tại một số địa phương tăng khi bước vào năm học mới.

- Giá điện sinh hoạt tăng 0,37%; nước sinh hoạt tăng 0,16%³ do nhu cầu tiêu dùng tăng.

- Giá gas tăng 1,45%, nguyên nhân là từ ngày 01/9/2024, giá gas trong nước điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới.

Ở chiều ngược lại, giá dầu hỏa giảm 6,97% so với tháng trước do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

³ Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 9/2024 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 8/2024.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,14%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 9/2024 tăng 0,14% do chi phí nhân công và nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng đồ dùng trong gia đình tăng khi mưa lũ ngập lụt tại nhiều địa phương. Trong đó, giá hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,51%; đồng hồ treo tường, ghế bàn, gương và dịch vụ sửa chữa thiết bị gia đình cùng tăng 0,48%; vật phẩm tiêu dùng khác tăng 0,31%; hàng dệt trong nhà tăng 0,29%; đồ nhựa, cao su và xà phòng, chất tẩy rửa cùng tăng 0,23%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,2%; đồ điện tăng 0,18%; thuê người phục vụ tăng 0,06%; đồ dùng nấu ăn tăng 0,05%.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng điện tử, điện lạnh có giá giảm so với tháng trước do nhiều cửa hàng, siêu thị tiếp tục áp dụng các chương trình kích cầu mua sắm như: Giá máy điều hòa nhiệt độ giảm 0,48%; máy giặt giảm 0,25%; máy xay sinh tố, ép hoa quả giảm 0,21%; máy hút bụi giảm 0,17%; tủ lạnh giảm 0,11%.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,05%)

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng Chín tăng 0,05% do thời tiết mưa bão, giao mùa nên nhu cầu tiêu dùng các loại thuốc về giảm đau, hạ sốt, đường hô hấp, vitamin và khoáng chất của người dân tăng. Trong đó, nhóm thuốc giảm đau, thuốc hạ sốt; chống viêm không steroid và thuốc điều trị gút và các bệnh xương tăng 0,48%; nhóm thuốc vitamin và khoáng chất tăng 0,28%; nhóm thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,25%.

7. Giao thông (-2,77%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 9/2024 giảm 2,77% góp phần làm giảm CPI chung 0,27 điểm phần trăm, chủ yếu do:

- Giá dầu diezen giảm 8,41%; giá xăng trong nước giảm 6,86% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

- Giá vận tải hành khách bằng đường hàng không giảm 14,66% do nhu cầu của người tiêu dùng giảm; vận tải hành khách bằng đường sắt giảm 2,17%; vận tải hành khách bằng đường bộ giảm 0,23% do các đơn vị vận chuyển giảm giá vé khi giá nhiên liệu và nhu cầu giảm; xe ô tô mới giảm 0,33%; xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,14%.

Bên cạnh đó, các mặt hàng tăng giá:

- Giá phụ tùng ô tô và lốp, sửa xe máy cùng tăng 0,26% do chi phí nhập khẩu linh kiện tăng; lốp, sửa xe đạp tăng 0,65%.

- Phí học lái xe tăng 0,24% do trong tháng 9/2024 có địa phương áp dụng mức học phí đào tạo mới; phí thuê ô tô, xe máy tự lái tăng 0,36%.

- Giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,19%, trong đó giá sửa chữa xe đạp tăng 0,22% và sửa chữa xe máy tăng 0,18% do chi phí nhân công tăng.

8. Bưu chính, viễn thông (+0,09%)

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng Chín tăng 0,09%. Trong đó, giá máy điện thoại di động thông thường tăng 0,33%; giá sửa chữa điện thoại tăng 0,19%. Ngược lại, giá máy điện thoại di động thông minh và máy tính bảng giảm 0,74% do một số cửa hàng áp dụng chương trình khuyến mại, kích cầu đối với mẫu mã cũ.

9. Giáo dục (+2,09%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Chín tăng 2,09%, trong đó giá dịch vụ giáo dục tăng 2,33%⁴ do một số địa phương điều chỉnh học phí áp dụng cho năm học 2024-2025 ở một số trường dân lập, tư thục các cấp và các trường đào tạo nghề, cao đẳng, đại học và sau đại học để đảm bảo thu chi thường xuyên. Bên cạnh đó, tháng Chín là thời điểm bắt đầu năm học mới nên nhu cầu đối với các mặt hàng đồ dùng học tập tăng, giá sản phẩm từ giấy tăng 0,61%; giá bút viết tăng 0,4%; giá văn phòng phẩm, đồ dùng học tập khác tăng 0,35%. Ở chiều ngược lại, một số địa phương điều chỉnh giảm học phí do thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ, sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (-0,24%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 9/2024 giảm 0,24% do nhu cầu du lịch không còn cao như những tháng cao điểm, nên các công ty du lịch thực hiện các chương trình khuyến mãi hấp dẫn để kích cầu, tập trung chủ yếu ở các nhóm: Giá dịch vụ du lịch trong nước giảm 2,12%; khách sạn giảm 1,23%. Ở chiều ngược lại, dịch vụ văn hóa tăng 0,57%; xem phim, ca nhạc tăng 0,34%.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,24%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 9/2024 tăng 0,24%. Trong đó, giá đồ trang sức tăng 1,65% theo giá vàng thế giới; sửa chữa đồng hồ đeo tay và đồ trang sức tăng 0,52%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,12%. Ở chiều ngược lại, giá túi xách, vali, ví giảm 0,51%; dịch vụ hành chính pháp lý giảm 0,31%.

12. Chỉ số giá vàng (+1,88%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 27/9/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.589,67 USD/ounce, tăng 3,77% so với tháng 8/2024. Ngày 18/9/2024, FED đã quyết định cắt giảm lãi suất 0,5 điểm phần trăm xuống còn 4,75%-5%/năm; cùng với đó căng thẳng tại Trung Đông ngày càng gia tăng, khiến các nhà đầu tư chuyển sang vàng như một kênh trú ẩn đã đẩy giá vàng liên tục tăng cao. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 9/2024 tăng 1,88% so với tháng trước; tăng 22,66% so với tháng 12/2023; tăng 32,27% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2024, chỉ số giá vàng tăng 26,27%.

⁴ Một số địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 9/2024 tăng so với tháng trước: Thái Nguyên tăng 12,2%; Sơn La tăng 9,55%; Kiên Giang tăng 8,82%; Thái Bình tăng 7,41%; Đồng Nai tăng 7,69%; Gia Lai tăng 5,53%; Kon Tum tăng 5,31%... Một số địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 9/2024 giảm so với tháng trước: Điện Biên giảm 36,84%; Tuyên Quang giảm 29,6%; Lạng Sơn giảm 19,25%; Lào Cai giảm 11,12%...

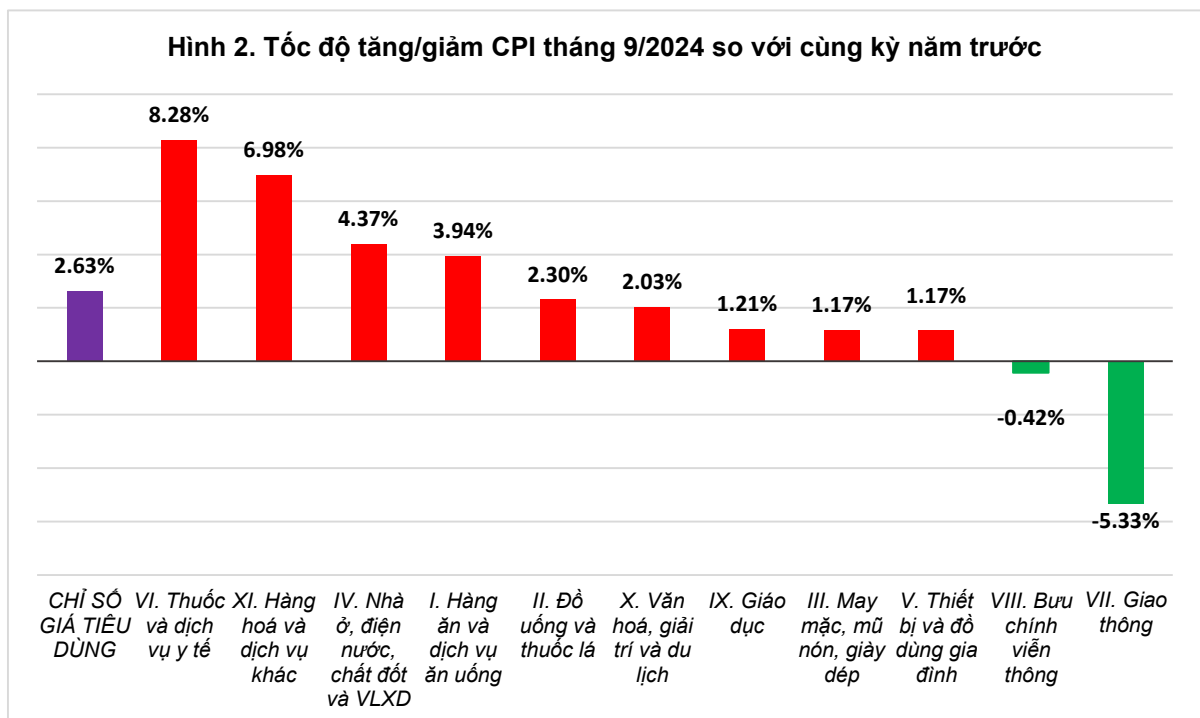
13. Chỉ số giá đô la Mỹ (-1,79%)

Tính đến ngày 27/9/2024, chỉ số giá đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 100,95 điểm, giảm 1,4% so với tháng trước khi FED quyết định giảm lãi suất khiến giá đồng USD liên tục giảm. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.329 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2024 giảm 1,79% so với tháng trước; tăng 1,7% so với tháng 12/2023; tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 5,46%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 9 từ năm 2020 đến năm 2024

	Đơn vị tính: %				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
CPI tháng 9 so với tháng trước	0,12	-0,62	0,40	1,08	0,29
CPI tháng 9 so với cùng kỳ năm trước	2,98	2,06	3,94	3,66	2,63
CPI tháng 9 so với tháng 12 năm trước	0,01	1,88	4,01	3,12	2,18
CPI bình quân 9 tháng so với cùng kỳ năm trước	3,85	1,82	2,73	3,16	3,88

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 9/2024 tăng 2,63%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính, có 09 nhóm tăng giá và 02 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 9/2024 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 8,28%, tác động làm CPI chung tăng 0,45 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,98%, làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm. Trong đó, lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 17,92%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 6,26%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 2,66%; dịch vụ về hiếu hỉ tăng 2,6%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,37%, tác động làm CPI chung tăng 0,82 điểm phần trăm. Trong đó, giá gas và các loại chất đốt khác tăng 7,17%; nước sinh hoạt tăng 5,72%; điện sinh hoạt tăng 5,47%; nhà ở thuê tăng 3,55%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 2,86%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,94% làm CPI chung tăng 1,32 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 8,37%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,84%; thực phẩm tăng 3,24%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,3%, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,03% làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm.

- Nhóm giáo dục tăng 1,21% làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm do trong năm học 2023-2024 và 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,17%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm. Trong đó, giá dịch vụ giày dép tăng 5,93%; dịch vụ may mặc tăng 3,14%; mũ nón tăng 1,9%; vải các loại tăng 1,66%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,17%, tác động làm CPI chung tăng 0,08 điểm phần trăm. Trong đó, giá hàng thủy tinh, sành sứ tăng 2,04%; giường, tủ, bàn ghế tăng 1,67%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 1,46%; đồ dùng trong nhà tăng 1,37%.

Ở chiều ngược lại, có 02 nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm giao thông giảm 5,33%, tác động làm CPI chung giảm 0,52 điểm phần trăm, trong đó giá xăng, dầu giảm 18,31% và phương tiện đi lại giảm 0,14%.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,42% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thế hệ cũ giảm.

So với tháng 12/2023, CPI tháng Chín tăng 2,18%, trong đó có 08 nhóm hàng tăng giá và 03 nhóm hàng giảm giá.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,08%, chủ yếu do bảo hiểm y tế tăng theo mức lương cơ sở mới; giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng trong nước.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,66% do giá lương thực, thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 3,59%, trong đó chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 6,75%; nước sinh hoạt tăng 5,01%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 3,41%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng 2,51%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 2,99% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,82% do nhu cầu tăng vào dịp Lễ, Tết và mùa hè.

- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 1,81% do nhu cầu tiêu dùng tăng.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,03% do nhu cầu sử dụng tăng.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,58%, trong đó giá dịch vụ giày dép tăng 5,04%; dịch vụ may mặc tăng 2,2%; vải các loại tăng 1,15%; giày dép tăng 0,91%.

Ở chiều ngược lại, có 03 nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm giao thông giảm 2,03% so với tháng 12/2023, chủ yếu do các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu trong năm. Trong đó, giá xăng, dầu diezen giảm 8,3%; ô tô giảm 0,49%.

- Nhóm giáo dục giảm 1,82% so với tháng 12/2023 do thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ, một số địa phương đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,23% do một số mặt hàng điện thoại thông minh mẫu cũ giảm giá.

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG QUÝ III NĂM 2024

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý III năm 2024 tăng 3,48% so với cùng kỳ năm 2023.

1. Các yếu tố làm tăng CPI trong quý III năm 2024

- Giá lương thực quý III/2024 tăng 11,22%, trong đó giá gạo tăng 14,77% theo giá gạo xuất khẩu và nguồn cung chịu ảnh hưởng của bão, hoàn lưu bão, tác động làm CPI chung tăng 0,38 điểm phần trăm.

- Giá dịch vụ y tế trong quý tăng 10,54% do được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023, tác động làm CPI chung tăng 0,43 điểm phần trăm.

- Giá dịch vụ giáo dục quý III tăng 5,8% do một số địa phương thực hiện điều chỉnh học phí năm học 2023-2024 và năm học 2024-2025 tác động làm CPI chung tăng 0,32 điểm phần trăm.

- Giá nhà ở thuê quý III/2024 tăng 3,48%, tác động làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm do nhu cầu thuê nhà tăng.

- Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới, quý III/2024 tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước làm CPI chung tăng 0,22 điểm phần trăm.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở quý III/2024 tăng 2,61% làm CPI chung tăng 0,05 điểm phần trăm.

- Giá đồ uống và thuốc lá trong quý tăng 2,4%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm chủ yếu do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống và chi phí vận chuyển tăng.

2. Các yếu tố làm giảm CPI trong quý III năm 2024

- Giá xăng dầu trong nước bình quân quý III giảm 7,72%, góp phần làm CPI chung giảm 0,28 điểm phần trăm.

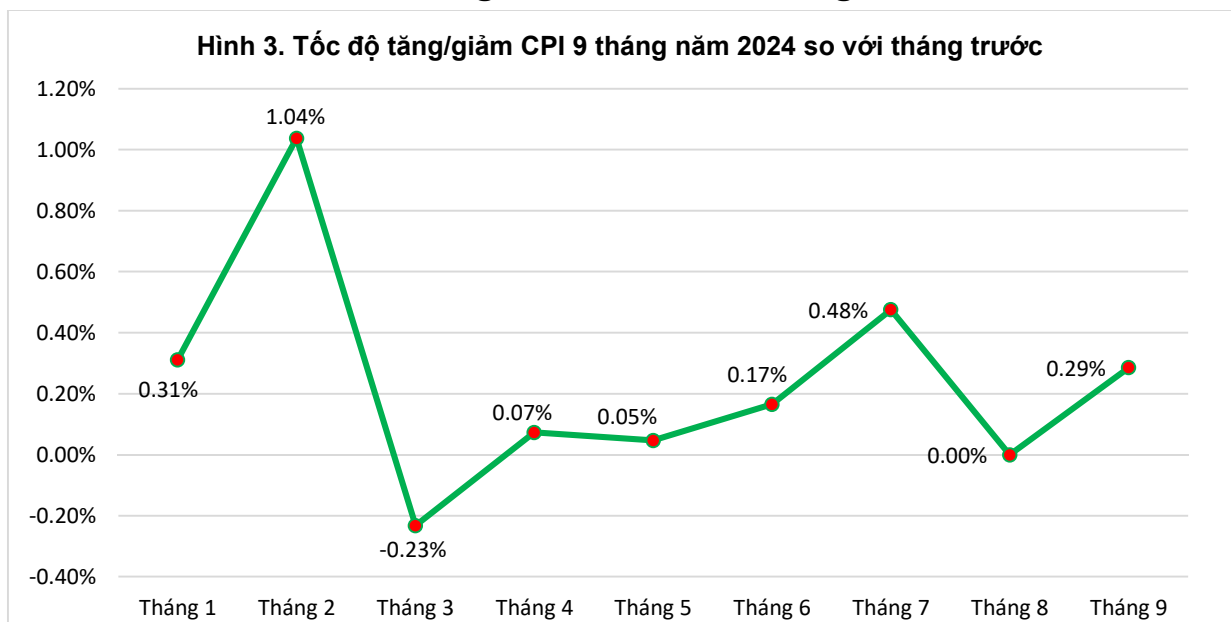
- Giá các thiết bị di động giảm ở các mặt hàng mẫu cũ làm cho chỉ số giá nhóm bưu chính viễn thông quý III năm nay giảm 0,74% so với cùng kỳ năm trước, góp phần giảm CPI chung 0,02 điểm phần trăm.

IV. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 9 THÁNG NĂM 2024

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 3,88% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, diễn biến CPI các tháng và các yếu tố làm tăng, giảm CPI 9 tháng năm 2024 được phân tích chi tiết trong các mục dưới đây.

1. Diễn biến giá tiêu dùng 9 tháng năm 2024

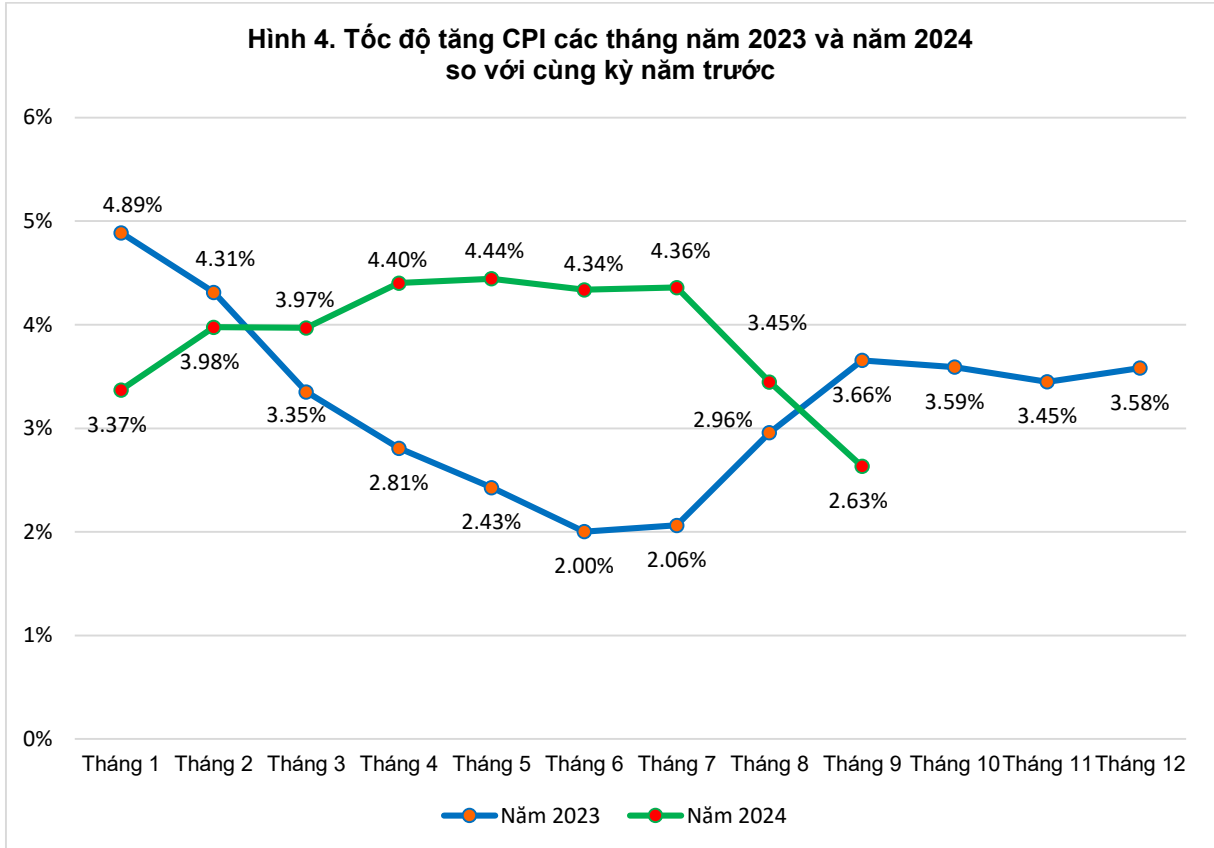
1.1. Diễn biến CPI 9 tháng năm 2024 so với tháng trước



So với tháng trước, CPI tháng 01/2024 tăng 0,31% do một số địa phương thực hiện tăng giá dịch vụ y tế, Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và giá gạo trong nước tiếp tục tăng theo giá gạo xuất khẩu. Sang tháng 02/2024, CPI tăng cao nhất 1,04% do là tháng có Tết Nguyên đán Giáp Thìn nên nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ của người dân tăng cao, giá gạo, giá xăng dầu tăng theo giá thế giới. Tháng 3/2024, CPI giảm 0,23% do nhu cầu của người dân giảm sau dịp Tết Nguyên đán, đặc biệt là lương thực, thực

phẩm. Từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024, CPI liên tục tăng lần lượt so với tháng trước là 0,07%; 0,05%; 0,17% và 0,48%, chủ yếu do giá gạo, thịt lợn, xăng dầu, điện sinh hoạt và bảo hiểm y tế tăng. Sang tháng 8/2024, chỉ số giá tiêu dùng ổn định so với tháng trước. Tháng 9/2024, CPI tăng 0,29% do giá lương thực, thực phẩm tăng cao tại các tỉnh, thành phố bị ảnh hưởng trực tiếp bởi cơn bão số 3, số 4, hoàn lưu bão và một số địa phương thực hiện tăng học phí năm học 2024-2025. Trong 9 tháng năm 2024, bình quân mỗi tháng CPI tăng 0,24% so với tháng trước.

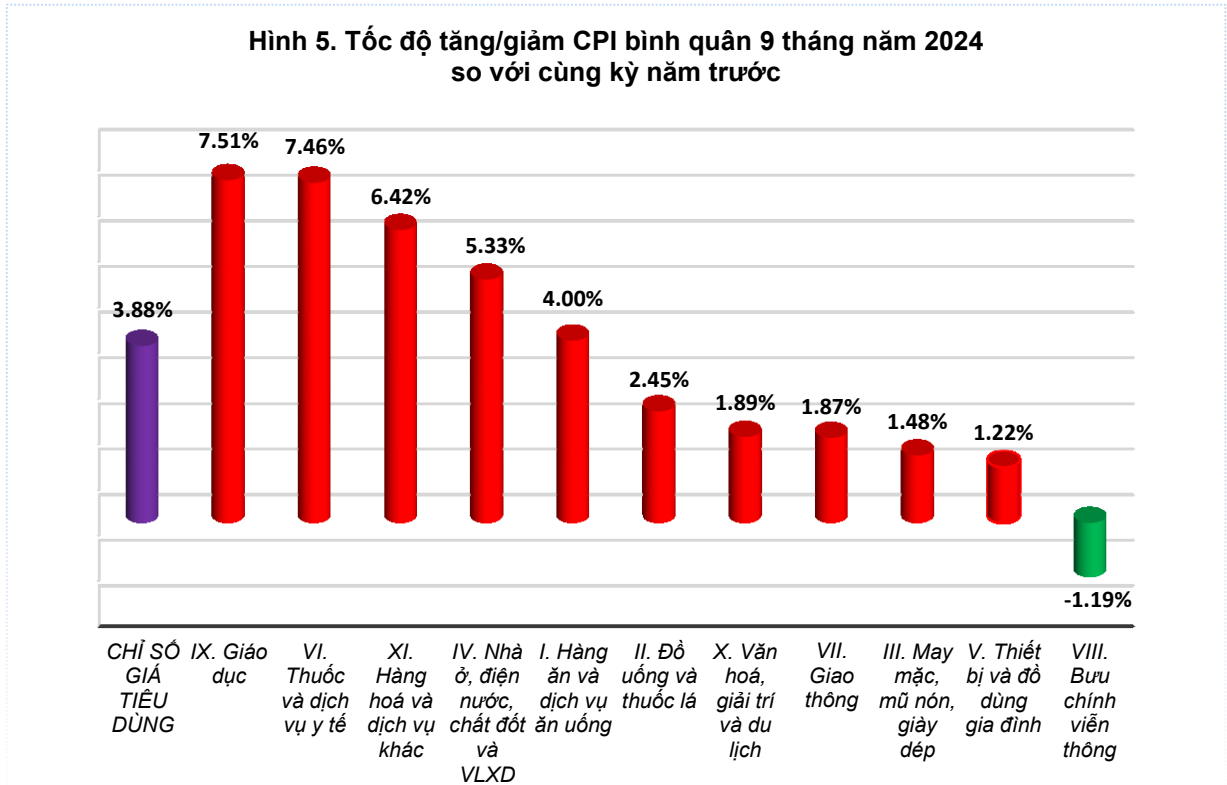
1.2. Diễn biến CPI 9 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



So với cùng kỳ năm trước, ngược với năm 2023, CPI 5 tháng đầu năm 2024 có xu hướng tăng cao dần, từ mức 3,37% của tháng Một lên mức cao nhất 4,44% vào tháng Năm. Từ tháng Sáu đến nay, mức tăng CPI có xu hướng giảm dần, từ mức tăng 4,34% của tháng 6/2024 xuống còn tăng 2,63% vào tháng 9/2024.

Tính chung 9 tháng năm nay, CPI tăng 3,88% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng giá khi giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, thiên tai bão lũ và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết cùng với giá thịt lợn tăng; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng; trong năm học 2023-2024 và 2024-2025, một số địa phương đã tăng mức học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế và bảo hiểm y tế tăng theo lương cơ sở.

2. Yếu tố làm tăng CPI 9 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống bình quân 9 tháng năm 2024 tăng 4% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,34 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá:

Nhóm lương thực tăng 14,23%, tác động làm CPI tăng 0,52 điểm phần trăm, trong đó giá gạo tăng 18,87% theo giá gạo xuất khẩu khi nguồn cung gạo toàn cầu giảm do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết, bão lũ làm CPI chung tăng 0,48 điểm phần trăm;

Nhóm thực phẩm tăng 2,31%, làm CPI chung tăng 0,49 điểm phần trăm;

Nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 4,03% do nhu cầu tiêu dùng và chi phí nhân công tăng.

- Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 4,61%, tác động làm CPI tăng 0,48 điểm phần trăm; chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 8,08% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân trong năm 2023 làm CPI chung tăng 0,27 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, chỉ số giá nước sinh hoạt bình quân 9 tháng tăng 9,42% so với cùng kỳ năm trước.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 7,51% do trong năm học 2023-2024 và 2024-2025 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí, làm CPI chung tăng 0,46 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,46%, tác động làm CPI chung tăng 0,4 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 1,87%, tác động làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm, chủ yếu do giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 46,67%; bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 4,3%.

3. Yếu tố làm giảm CPI 9 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông 9 tháng năm 2024 giảm 1,19% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với các dòng điện thoại thông minh đưa ra thị trường sau một thời gian.

V. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản⁵ tháng 9/2024 tăng 0,27% so với tháng trước, tăng 2,54% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,69% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,88%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Chín và 9 tháng từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lạm phát cơ bản tháng 9 so với tháng trước	-0,02	-0,26	0,47	0,26	0,27
Lạm phát cơ bản tháng 9 so với cùng kỳ năm trước	1,97	0,74	3,82	3,80	2,54
Lạm phát cơ bản 9 tháng so với cùng kỳ năm trước	2,59	0,88	1,88	4,49	2,69

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

⁵ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.